



TERUMO
INTERVENTIONAL
SYSTEMS



RyureiTM

Bóng nong động mạch vành

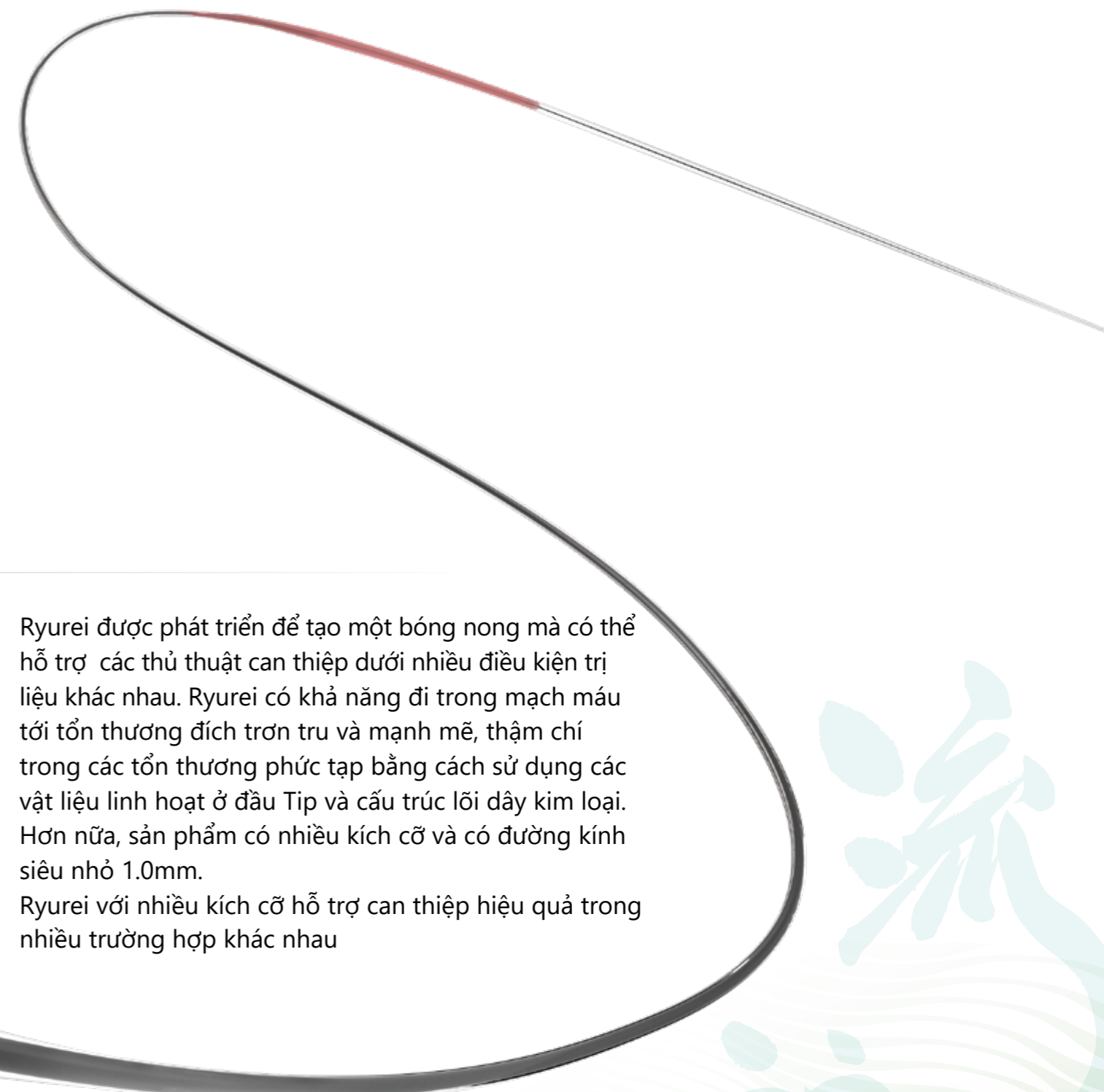
Cho tiến hành trơn tru trong mọi trường hợp



Gánh vác thử thách của các tổn thương phức tạp

Khát khao đạt được cân bằng hoàn hảo - một truyền thống của Terumo:

- +Luồn trong mạch máu tới tổn thương đích trơn tru và mạnh mẽ
- +Người bạn đồng hành hỗ trợ các thủ thuật can thiệp dưới nhiều điều kiện trị liệu khác nhau.



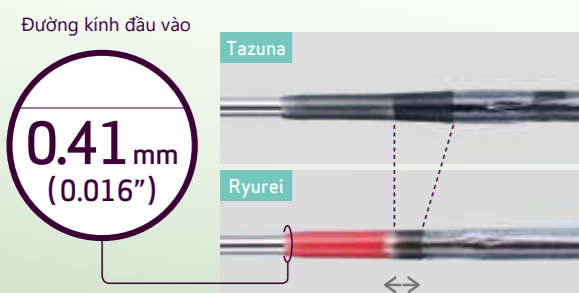
Ryurei được phát triển để tạo một bóng nong mà có thể hỗ trợ các thủ thuật can thiệp dưới nhiều điều kiện trị liệu khác nhau. Ryurei có khả năng đi trong mạch máu tới tổn thương đích trơn tru và mạnh mẽ, thậm chí trong các tổn thương phức tạp bằng cách sử dụng các vật liệu linh hoạt ở đầu Tip và cấu trúc lõi dây kim loại. Hơn nữa, sản phẩm có nhiều kích cỡ và có đường kính siêu nhỏ 1.0mm. Ryurei với nhiều kích cỡ hỗ trợ can thiệp hiệu quả trong nhiều trường hợp khác nhau

Điểm đánh dấu cản quang ngắn và mỏng: dài 0.8mm, dày 25µm

Single layer: polyamide

Đầu bóng (Đầu Tip)

- Đường kính đầu vào nhỏ chỉ 0.41mm
Tương tự Tazuna, đầu vào sử dụng vật liệu rất linh hoạt



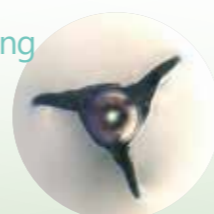
Phần nối bóng và đầu Tip 0.4mm

Bóng

- Có kích cỡ bóng nhỏ 1.0mm
Cho các tổn thương hẹp khít

- Phương thức cuộn bóng

Cuộn 3 cánh (3 nếp gấp) với các cỡ từ 2.25 -4.00mm



Thân

- Cấu trúc lõi dây kim loại

Cấu trúc cắt-xoắn ốc thông thường được sử dụng tại vị trí cổng ra của dây dẫn can thiệp được thiết kế lại thành cấu trúc ống lõi dây kim loại.



Ryurei- Bóng nong mạch vành áp lực thường

Đường kính (mm)	NP (atm/kPa)	RBP (atm/kPa)	Đường kính đoạn xa (Fr./mm)	Đường kính đoạn gần (Fr./mm)	Độ dài bóng nong						Số điểm đánh dấu cân quang	
					5mm	10mm	15mm	20mm	30mm	40mm		
1.00	6/608	14/1419	2.4-2.7/0.79-0.89	1.9/0.64	DC-RR1005HH							1
1.25	6/608	14/1419	2.4-2.7/0.79-0.89	1.9/0.64	DC-RR1205HH	DC-RR1210HH	DC-RR1215HH	DC-RR1220HH				1
1.50	6/608	14/1419	2.4-2.7/0.79-0.89	1.9/0.64	DC-RR1505HH	DC-RR1510HH	DC-RR1515HH	DC-RR1520HH				1
2.00	6/608	14/1419	2.6/0.87	1.9/0.64		DC-RR2010HHW	DC-RR2015HHW	DC-RR2020HHW	DC-RR2030HHW	DC-RR2040HHW		2
2.25	6/608	14/1419	2.6/0.87	1.9/0.64		DC-RR2210HHW	DC-RR2215HHW	DC-RR2220HHW				2
2.50	6/608	14/1419	2.6/0.87	1.9/0.64		DC-RR2510HHW	DC-RR2515HHW	DC-RR2520HHW	DC-RR2530HHW	DC-RR2540HHW		2
2.75	6/608	14/1419	2.6/0.87	1.9/0.64		DC-RR2710HHW	DC-RR2715HHW	DC-RR2720HHW				2
3.00	6/608	14/1419	2.6/0.87	1.9/0.64		DC-RR3010HHW	DC-RR3015HHW	DC-RR3020HHW	DC-RR3030HHW	DC-RR3040HHW		2
3.25	6/608	12/1216	2.6/0.87	1.9/0.64		DC-RR3210HHW	DC-RR3215HHW	DC-RR3220HHW				2
3.50	6/608	12/1216	2.6/0.87	1.9/0.64		DC-RR3510HHW	DC-RR3515HHW	DC-RR3520HHW	DC-RR3530HHW	DC-RR3540HHW		2
3.75	6/608	12/1216	2.6/0.87	1.9/0.64		DC-RR3710HHW	DC-RR3715HHW	DC-RR3720HHW				2
4.00	6/608	12/1216	2.6/0.87	1.9/0.64		DC-RR4010HHW	DC-RR4015HHW	DC-RR4020HHW				2

*Độ dài catheter sử dụng: 145cm

Bảng tham chiếu đường kính ngoài của bóng và áp lực nong bóng cho phép

Áp lực	(atm)	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
	(kPa)	405	507	608	709	811	912	1013	1115	1216	1317	1419	1520	1621	1723	
Đường kính ngoài của bóng (mm)	1.00	0.91	0.96	1.00	1.04	1.07	1.10	1.13	1.15	1.17	1.19	1.21	1.24	1.24	1.29	
	1.25	1.19	1.22	1.25	1.28	1.30	1.32	1.33	1.35	1.37	1.39	1.41	1.44	1.45	1.47	
	1.50	1.41	1.46	1.50	1.54	1.57	1.60	1.62	1.64	1.66	1.69	1.72	1.75	1.79	1.84	
	2.00	1.87	1.95	2.00	2.04	2.08	2.11	2.13	2.15	2.18	2.20	2.23	2.26	2.30	2.33	
	2.25	2.16	2.21	2.25	2.29	2.32	2.36	2.39	2.42	2.46	2.49	2.53	2.57	2.62	2.66	
	2.50	2.40	2.45	2.50	2.54	2.58	2.62	2.66	2.69	2.74	2.78	2.82	2.87	2.91	2.97	
	2.75	2.64	2.70	2.75	2.80	2.84	2.88	2.93	2.97	3.02	3.07	3.12	3.18	3.24	3.31	
	3.00	2.89	2.95	3.00	3.05	3.09	3.14	3.18	3.23	3.28	3.33	3.38	3.44	3.50	3.57	
	3.25	3.12	3.19	3.25	3.30	3.36	3.41	3.46	3.51	3.57	3.63	3.70	3.77			
	3.50	3.37	3.44	3.50	3.56	3.62	3.67	3.73	3.79	3.86	3.93	4.01	4.09			
3.75	3.62	3.69	3.75	3.81	3.87	3.93	3.99	4.06	4.13	4.21	4.29	4.38				
4.00	3.86	3.93	4.00	4.07	4.13	4.19	4.26	4.33	4.41	4.49	4.57	4.67				

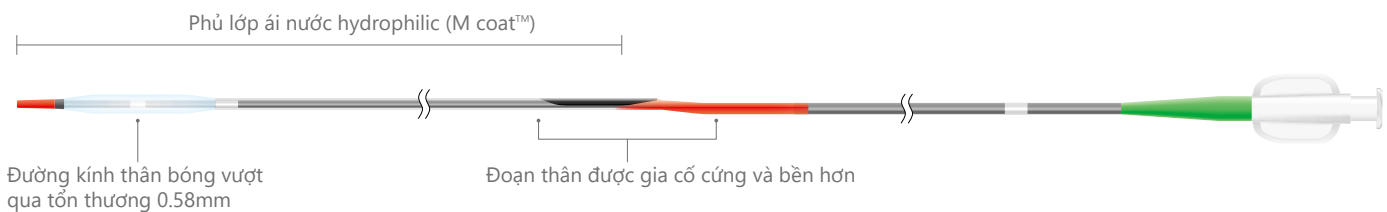
NP

Áp lực thường

RBP

Áp lực tối đa

Cấu trúc



* Những hình ảnh ở đây chỉ dành cho mục đích minh họa.

* Những hình ảnh ở đây không đại diện cho kích thước thực tế của sản phẩm.

Tất cả các tên thương hiệu là nhãn hiệu đã đăng ký của TERUMO CORPORATION và chủ sở hữu tương ứng. Terumo Vietnam 2024

TERUMO

Marketed by **TERUMO CORPORATION**
CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ TERUMO VIỆT NAM

Tầng 14, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại: +84 24 3936 1643
Fax: +84 24 3936 1641

Số lưu hành: 2402398ĐKLH/BYT-HTTB và 2405045ĐKLH/BYT-HTTB
Chủ sở hữu số lưu hành: Công ty TNHH Thiết bị y tế Terumo Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 14, tòa nhà GELEXIMCO, số 36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam.
Hãng, nước sản xuất: Ashitaka Factory of Terumo Corporation, Nhật Bản
Số văn bản công khai nội dung và hình thức quảng cáo: 049, 050/25-CKQC-Terumo

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ TERUMO VIỆT NAM

Chi nhánh TP. HCM

Phòng 4, Tầng 4, Tháp A, Tòa nhà Viettel, 285 Cách Mạng Tháng Tám, phường 12, quận 10, TP HCM, Việt Nam.
Điện thoại: +84 28 6660 0326

Sản phẩm được sản xuất tại Nhật Bản

TAP-TIS-C20035

TYME-2503-031